

**BÁO CÁO TÀI SẢN**  
**CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**  
Ngày 30 tháng 09 năm 2008

1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam  
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)  
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1  
4 Ngày lập báo cáo: Ngày 17/10/2008

| STT   | TÀI SẢN                                              | KỲ BÁO CÁO<br>Quý III/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Quý II/2008 |
|-------|------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| 1     | Tiền                                                 | 261,125,991,377            | 413,836,191,211         |
| 2     | Các khoản đầu tư                                     | 1,632,603,299,811          | 1,298,496,574,596       |
| 2.1   | Trái phiếu                                           | 308,647,005,876            | 326,036,260,248         |
| 2.2   | Cổ phiếu                                             | 1,323,956,293,935          | 972,460,314,348         |
| 2.2.1 | CP niêm yết                                          | 774,519,356,000            | 451,363,149,400         |
| 2.2.2 | CP chưa niêm yết                                     | 549,436,937,935            | 521,097,164,948         |
| 3     | Cổ tức được nhận                                     | 2,091,992,000              | 866,820,000             |
| 4     | Lãi được nhận                                        | 14,371,489,163             | 9,210,928,235           |
| 4.1   | Lãi trái phiếu                                       | 12,598,145,000             | 5,981,108,000           |
| 4.2   | Lãi TGNH                                             | 1,773,344,163              | 3,229,820,235           |
| 5     | Tiền bán chứng khoán chờ thu                         | 2,988,506,400              | 1,895,474,400           |
| 6     | Các khoản phải thu khác                              | -                          | -                       |
| 7     | Các tài sản khác                                     | 81,500,000,000             | 81,500,000,000          |
|       | TỔNG TÀI SẢN                                         | 1,994,681,278,751          | 1,805,805,988,442       |
| STT   | NỢ                                                   | KỲ BÁO CÁO<br>Quý III/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Quý II/2008 |
| 8     | Tiền phải thanh toán mua chứng khoán                 | 8,193,400,000              | -                       |
| 9     | Các khoản phải trả khác                              | 4,002,605,025              | 3,812,053,527           |
| 9.1   | Phí quản lý quỹ                                      | 3,309,989,771              | 3,008,638,486           |
| 9.2   | Phí lưu ký, giám sát                                 | 198,599,386                | 180,518,309             |
| 9.3   | Thù lao BDD                                          | 54,000,000                 | 54,000,000              |
| 9.4   | Phí môi giới CK                                      | 263,532,902                | 392,413,766             |
| 9.5   | Thuế của cổ tức phải trả hộ cho NĐT                  | 44,751,966                 | 44,751,966              |
| 9.6   | Thuế của Phí mgới phải trả hộ cho người MG 1         | 2,331,000                  | 2,331,000               |
| 9.7   | Thuế của Phí mgới phải trả hộ cho người MG 2         | 5,400,000                  | 5,400,000               |
| 9.8   | Thuế của Phí mgới bán EXB phải trả hộ cho người mgới | 6,000,000                  | 6,000,000               |
| 9.9   | Cổ tức Ngân hàng Quân Đội Ptrả cho người mua         | 100,000,000                | 100,000,000             |
| 9.10  | Ptrả Vina Café Biên Hòa tiền chuyển nhằm             | 18,000,000                 | 18,000,000              |
| 10    | Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1                   | -                          | -                       |
|       | TỔNG NỢ                                              | 12,196,005,025             | 3,812,053,527           |
|       | TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ                                 | 1,982,485,273,726          | 1,801,993,934,915       |
| 11    | Tổng số đơn vị quỹ                                   | 100,000,000                | 100,000,000             |
| 12    | Giá trị của một đơn vị quỹ                           | 19,825                     | 18,020                  |

|                            |          |                     |                |
|----------------------------|----------|---------------------|----------------|
| Ngân hàng Giám sát         |          | Công ty Quản Lý Quỹ |                |
| Phụ trách bộ phận giám sát | Giám đốc | Người lập biểu      | Kế Toán Trưởng |

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG  
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**

Ngày 30 tháng 09 năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 17/10/2008

| STT | CHỈ TIÊU                                                                                             | KỲ BÁO CÁO<br>Quý III/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Quý II/2008 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| I   | Giá trị tài sản ròng đầu kỳ                                                                          | 1,801,993,934,915          | 2,583,225,060,707       |
| II  | Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ                                                 | 180,491,338,811            | (781,231,125,792)       |
|     | Trong đó                                                                                             |                            |                         |
| 1   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ         | 180,491,338,811            | (661,231,125,792)       |
| 2   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ | -                          | (120,000,000,000)       |
| III | Giá trị tài sản ròng cuối kỳ                                                                         | 1,982,485,273,726          | 1,801,993,934,915       |

Tp, HCM ngày 17 tháng 10 năm 2008

Ngân Hàng Giám Sát  
Giám Đốc

Người lập biểu

Công ty Quản lý Quỹ  
Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**  
**CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**  
Quý III năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam  
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)  
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1  
4 Ngày lập báo cáo: Ngày 17/10/2008

| STT | CHỈ TIÊU                                                                            | KỲ BÁO CÁO<br>Quý III/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Quý II/2008 | LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM<br>2008 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
| I   | Thu nhập từ hoạt động đầu tư                                                        | 91,607,759,496             | 71,905,831,006          | 195,586,590,671           |
| 1   | Cổ tức được nhận                                                                    | 70,992,242,800             | 56,596,914,118          | 147,494,753,668           |
| 2   | Lãi được nhận                                                                       | 20,615,516,696             | 15,308,916,888          | 48,091,837,003            |
| 3   | Thu nhập khác                                                                       |                            | -                       | -                         |
| II  | Chi phí                                                                             | 12,285,846,340             | 11,360,753,345          | 40,402,400,597            |
| 1   | Phí quản lý quỹ                                                                     | 10,185,277,373             | 10,073,616,268          | 35,709,562,221            |
| 2   | Phí lưu ký, giám sát                                                                | 611,116,643                | 604,416,976             | 2,142,573,734             |
| 3   | Các loại chi phí khác                                                               | 1,489,452,324              | 682,720,101             | 2,550,264,642             |
| III | Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)                                            | 79,321,913,156             | 60,545,077,661          | 155,184,190,074           |
| IV  | Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư                                                        | 101,169,425,655            | (721,776,203,453)       | (1,889,840,447,462)       |
| 1   | Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư                                      | 15,807,426,528             | (288,320,317,086)       | (256,789,101,314)         |
| 2   | Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ                                   | 85,361,999,127             | (433,455,886,367)       | (1,615,726,346,147)       |
| 3   | Ghi nhận quyền phát hành thêm cp                                                    | -                          | -                       | (17,325,000,000)          |
| V   | Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV) | 180,491,338,811            | (661,231,125,792)       | (1,734,656,257,388)       |

Ngân hàng giám sát

Phụ trách Giám đốc Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng giám đốc  
bộ phận giám sát

NGUYỄN T.H HẠNH      NGUYỄN M.Đ KHÁNH